TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2026/DS-ST Ngày: 27-03-2026 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - TỈNH NINH BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có****:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bùi Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Chỉnh

Ông Lưu Xuân Tiến

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 63/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng B, sinh ngày 30/05/1972; CCCD số 040072000505 cấp ngày 21/3/2023; Địa chỉ: Số H, ngõ A H, phường N, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến T, sinh ngày 26/6/1993; CCCD số 001093013716 cấp ngày 21/10/2022; Địa chỉ: Số C, Ngõ A H, phường N, thành phố Hà Nội; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1982; CCCD số: 036082013008 cấp ngày 07/8/2022; Địa chỉ: Xóm A, thôn Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-11-2025, bản tự khai cùng các lời khai khác tại Toà án, nguyên đơn ông Đặng B trình bày:

Ngày 25/12/2021, ông có cho ông Đoàn Văn T1 vay số tiền là: 186.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi sáu triệu đồng)* để lo việc cá nhân với lãi suất là 0%. Ông T1 cam kết sẽ trả lại khoản tiền trên cho ông vào ngày 29/02/2024 (tức 20/01/2024 Âm lịch).

Ngày 21/07/2022, ông T1 tiếp tục vay ông số tiền là 60.000.000 *(Sáu mươi triệu đồng)* với mức lãi suất 10%/năm và hứa sẽ trả lại cho ông vào tháng 01/2024. Đoạn chat Zalo thể hiện rõ nội dung trao đổi giữa ông và ông T1 như sau: Ông Thiện nhắn: *"Anh cho em vay 60 triệu, lãi xuất 10%/năm em hứa đến tháng 1–2024 em sẽ hoàn gửi lại cho anh ạ"*. Ông nhắn: *"Gửi anh stk đi"*. Ông T1 nhắn: *"0200100016868.MB.Đoàn Văn T1"*. Do tin tưởng nên ông đã đồng ý cho ông T1 vay tiền tiếp và gửi hình ảnh giao dịch chuyển khoản cho ông T1 qua tin nhắn Zalo làm bằng chứng. Tổng số tiền mà ông Đoàn Văn T1 đã vay của ông từ năm 2021 đến nay là: 246.000.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng)*. Khi đến hạn theo đúng cam kết (cuối tháng 02/2024), ông đã nhắc ông T1 hoàn trả số tiền mà ông T1 đã vay nhưng ông T1 xin khất được trả sau với lý do khó khăn. Tuy nhiên, đến nay ông T1 vẫn không thực hiện bất cứ nghĩa vụ trả nợ nào cho ông mà còn có thái độ chây ì, lảng tránh.

Tháng 01/2025, N đại diện theo uỷ quyền của ông đã đến trực tiếp nhà ông Đoàn Văn T1 tại địa chỉ Xóm A, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Nay là Phường H - Tỉnh Ninh Bình) để tìm hiểu về hoàn cảnh gia đình và lý do ông T1 không thực hiện việc thanh toán khoản vay đúng hạn cho ông. Khi đến nhà ông T1, Người uỷ quyền của ông không gặp được ông T1 mà chỉ gặp được người thân là ông L và bà Ấ (bố mẹ ruột của T1). Khi trao đổi với bố mẹ ông T1 thì được biết ông T1 hiện đang còn vay nợ rất nhiều người khác và hiện ông T1 đang kinh doanh cùng vợ là bà Tô Thùy D tại phường N. Khi hỏi thông tin liên hệ của ông T1 thì ông L, bà Ấ không đồng ý cung cấp những thông tin này.

Vì vậy, ông làm đơn khởi kiện đến Toà án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Đoàn Văn T1 phải trả cho ông tổng số tiền nợ gốc đã vay là 246.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi sáu triệu đồng*), tổng tiền lãi là 40.891.001 đồng (Bốn mươi triệu, tám trăm chín mươi mốt, không trăm lẻ một đồng). Tổng số tiền ông Đoàn Văn T1 phải trả cho ông tính đến ngày 31/03/2025 là 286.891.001 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi mốt đồng, không trăm linh một đồng)

- Ông yêu cầu vẫn tiếp tục tính lãi với mức lãi suất quá hạn như trên đối với phần dư nợ của ông T1 cho đến khi ông T1 trả đủ số tiền cho ông.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn là ông Đoàn Văn T1 đều vắng mặt không có lí do; ông T1 không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ đối với ông Đoàn Văn L là bố đẻ của ông Đoàn Văn T1 tại tổ dân phố Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình như sau: Ông Đoàn Văn T1 hiện vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại TDP Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình. Hiện ông T1 đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại địa phương. Ông T1 đi làm vào ban ngày, buổi tối mới về nhà nên ông Đoàn Văn L (bố đẻ của ông Đoàn Văn T1) đã đứng ra nhận các văn bản tố tụng của Toà án và nhận trách nhiệm giao ngay cho ông T1. Ngoài ra ông Đoàn Văn L bố đẻ của ông T1 cũng xác nhận đã gửi các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông T1, ông T1 đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và xác nhận có vay của ông Đặng B hai khoản vay gồm số tiền 186.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi sáu triệu đồng)* để lo việc cá nhân với lãi suất là 0%. Ông T1 cam kết sẽ trả lại khoản tiền trên cho ông vào ngày 29/02/2024; ông còn tiếp tục vay ông Đặng B số tiền là 60.000.000 *(Sáu mươi triệu đồng)* với mức lãi suất 10%/năm và hứa sẽ trả lại cho ông vào tháng 01/2024 nhưng do khó khăn nên ông chưa trả được, hiện tại ông T1 đang đi làm nên không có thời gian lên Tòa án để làm việc.

Biên bản thu thập tài liệu chứng cứ tại Ngân hàng Q chi nhánh N2 cung cấp: Số tài khoản 0200100016868 chủ tài khoản là ông Đoàn Văn T1, địa chỉ xã N huyện N tỉnh Nam Định cũ, số chứng minh thư sĩ quan: 458200440121 thuộc Bộ tư lệnh thông tin cấp ngày 01/10/2019.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Đặng B và người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng B có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đoàn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Ninh Bình phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ theo Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án là vi

phạm quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS. Việc Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

- Về nội dung: Buộc ông Đoàn Văn T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Đặng B số tiền nợ gốc đối với hai khoản vay ngày 25/12/2021 và ngày 21/7/2022 là 246.000.000 đồng; số tiền nợ lãi đối với hai khoản vay ngày 25/12/2021 và ngày 21/7/2022 là 69.046.478 đồng. Tổng cả nợ gốc và lãi là 315.046.478 đồng.

- Về án phí: Ông Đoàn Văn T1 phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Ông Đặng B có đơn khởi kiện yêu cầu ông Đoàn Văn T1 phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo "Giấy vay tiền" ngày 25/12/2021 có chữ ký của ông Đặng B (bên cho vay), ông Đoàn Văn T1 (bên vay) ký nhận và giao dịch chuyển khoản tiền vay đến tài khoản 0200100016868 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q mang tên Đoàn Văn T1 thông qua tin nhắn vay tiền ngày 21/7/2022. Do vậy, đây là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, bị đơn là ông Đoàn Văn T1 có đăng ký nơi cư trú tại TDP Đ, phường H, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Ninh Bình theo Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa ngày 19/3/2026 và đến phiên tòa hôm nay vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc, tiền lãi chậm trả theo "Giấy vay tiền" ngày 25/12/2021 đối với khoản tiền 186.000.000 đồng .

Xem xét "Giấy vay tiền" ngày 25/12/2021 do nguyên đơn xuất trình thể hiện ông Đoàn Văn T1 có ký nhận vay ông Đặng B số tiền là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng), lãi suất 0%, thời hạn trả nợ 29/02/2024. Việc vay tiền giữa ông B và ông T1 là hoàn toàn tự nguyện, không bị bắt ép. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bố ông T1 là ông L, ông L xác nhận là ông T1 đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, ông T1 cũng xác nhận là có vay tiền của ông hai khoản vay gồm số tiền 186.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi sáu triệu đồng)* để lo việc cá nhân với lãi suất là 0%. Ông T1 cam kết sẽ trả lại khoản tiền trên cho ông vào ngày 29/02/2024; ông còn tiếp tục vay ông Đặng B số tiền là 60.000.000 *(Sáu mươi triệu đồng)* với mức lãi suất 10%/năm và hứa sẽ trả lại cho ông vào tháng 01/2024 nhưng do khó khăn nên ông chưa trả được, hiện tại ông T1 đang đi làm nên không có thời gian lên Tòa án để làm việc.

Phía nguyên đơn xuất trình sổ phụ chi tiết kiệm báo nợ ngày 17/11/2025 thể hiện việc ông Đặng B có chuyển tiền cho ông T1 số tiền 60.000.000 đồng qua tài khoản 0200100016868 chủ tài khoản là ông Đoàn Văn T1; biên bản thu thập tài liệu chứng cứ của Ngân hàng Q xác nhận số tài khoản 0200100016868 chủ tài khoản là ông Đoàn Văn T1; biên bản lấy lời khai của ông Đoàn Văn L bố đẻ ông T1, ông T1 có xác nhận với ông L về việc vay tiền ông B. Tuy ông T1 không đến Tòa án để làm việc nhưng qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thì có đủ căn cứ xác nhận ông T1 vay ông B số tiền 186.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi sáu triệu đồng)* để lo việc cá nhân với lãi suất là 0%, cam kết sẽ trả ông B vào ngày 29/02/2024; và số tiền là 60.000.000 *(Sáu mươi triệu đồng)* với mức lãi suất 10%/năm và hứa sẽ trả lại cho ông vào tháng 01/2024.

Vì vậy, ông B khởi kiện buộc ông T1 phải thanh toán số tiền nói trên là có căn cứ.

- Buộc Đoàn Văn T1 phải thanh toán số tiền gốc là 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng) cho ông Đặng B là phù hợp Điều 274, Điều 280 Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Căn cứ vào Khoản 4, Điều 466 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả đối với khoản vay 186.000.000 đồng (Một trăm tám mươi sáu triệu đồng). Tính đến thời điểm xét xử (ngày 27/3/2026), tiền lãi chậm trả ông T1 phải thanh toán cho ông B là:

186.000.000 đ x (10%/năm : 365 ngày) x 756 ngày = 38.525.000 đồng (đã làm tròn)

Tổng số tiền ông T1 phải trả cho ông B theo "Giấy vay tiền" ngày 25/12/2021: 186.000.000 đ + 38.525.000đ = 224.525.000 đ

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, nợ lãi đối với phần lãi trong hạn bị quá hạn đối với khoản vay 60.000.000 đồng.

Ngày 21/07/2022, ông T1 vay ông B số tiền là 60.000.000 đ (Sáu mươi triệu đồng) với mức lãi suất 10%/năm và hứa sẽ trả lại cho ông B vào tháng 01/2024. Đoạn chat Zalo do ông B cung cấp thể hiện rõ nội dung trao đổi giữa Tôi và ông T1 như sau: Ông Thiện nhắn: *"Anh cho em vay 60 triệu, lãi xuất 10%/năm em hứa đến tháng 1-2024 em sẽ hoàn gửi lại cho anh ạ"*. Ông Bảy N1: "Gửi anh stk đi". Ông T1 nhắn: *"0200100016868.MB.Đoàn Văn T1"*. Ông B đã đồng ý cho ông T1 vay tiền tiếp và gửi hình ảnh giao dịch chuyển khoản cho ông T1 qua tin nhắn Zalo làm bằng chứng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông B cung cấp bản sao sổ phụ chi tiết kiêm báo cáo nợ, báo có tại ngân hàng Thương mại cổ phần Q thể hiện việc ông B chuyển khoản tiền 60.000.000 đồng cho ông Đoàn Văn T1 thông qua số tài khoản 0200100016868 Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù việc vay mượn 60.000.000 đồng giữa ông Đặng B và ông Đoàn Văn T1 được thể hiện qua tin nhắn, giao dịch chuyển tiền nhưng đều đáp ứng điều kiện về hình thức, hiệu lực quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự. Tin nhắn vay tiền thể hiện rõ lãi suất thoả thuận vay tiền là 10%/ năm, thời gian trả tiền là tháng 01 năm 2024. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn.

Căn cứ vào khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng B, buộc ông Đoàn Văn T1 thanh toán tiền gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, nợ lãi đối với phần lãi trong hạn bị quá hạn đối với khoản vay 60.000.000 đồng.

- Tiền gốc ông T1 phải trả là 60.000.000 đồng.

- Tiền lãi trong hạn (tính từ ngày 21/7/2022 đến ngày 31/01/2024):

60.000.000đ x (10%/năm : 365 ngày) x 559 ngày = 9.189.041 đồng.

- Tiền lãi quá hạn (tính từ ngày 01/02/2024 đến ngày 27/03/2026):

60.000.000đ x (10%/năm x 150%) : 365 ngày x 785 ngày = 19.356.164 đồng.

- Nợ lãi đối với phần lãi chưa trả (tính từ ngày 01/02/2024 đến ngày 27/03/2026): 9.189.041 đ x (10%/năm : 365 ngày) x 785 ngày = 1.976.273 đồng

Tổng số tiền ông Đoàn Văn T1 phải trả cho ông Đặng B là:

60.000.000 đ + 9.189.041đ + 19.356.164 đ + 1.976.273đ = 90.521.478 đồng.

* Tổng số tiền ông T1 phải trả ông B đối với hai khoản vay ngày 25/12/2021 và ngày 21/7/2022 là 315.046.478 đồng

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải chịu lãi suất quá hạn đối dư nợ của ông T1 cho đến khi thanh toán xong hết số tiền. Tòa án chỉ giải quyết các yêu cầu đến khi đưa vụ án ra xét xử. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 92, Điều 93, Điều 97, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của ;

Căn cứ Điều 117, Điều 119, khoản 2 Điều 468, khoản 4 và khoản 5 Điều 466, Điều 274, Điều 280 ; Điều 26 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng B.

1. Buộc ông Đoàn Văn T1 phải có trách nhiệm trả cho ông Đặng B số tiền nợ gốc đối với hai khoản vay ngày 25/12/2021 và ngày 21/7/2022 là 246.000.000 đồng; số tiền nợ lãi đối với hai khoản vay ngày 25/12/2021 và ngày 21/7/2022 là 69.046.478 đồng. Tổng cả nợ gốc và lãi là 315.046.478 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Ông Đoàn Văn T1 phải nộp 15.752.323 đồng án phí (mười năm triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn ba trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Trả lại cho ông Đặng B số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002902 ngày 17-11-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

4. *Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- Đương sự:
- VKSND khu vực 9;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- THADS tỉnh;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Phương Thảo